

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **88/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/8/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Lương Văn Cang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 27 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đình B**, sinh năm 1981; Nơi ĐKTT: thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nơi ở hiện nay: Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T vào ngày 10 tháng 12 năm 2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn vì không hòa hợp về cách sống, ông B và bà H không còn sống chung từ năm 2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu tòa án cho được ly hôn ông B.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 01/02/2015 hiện nay do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản làm việc ngày 12/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Đình B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông B thống nhất như trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân và tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông B thống nhất. Do công việc là thợ hồ nơi ở không ổn định nên ông B tự nguyện lựa chọn Tòa án thành phố Tuy Hòa giải quyết vụ án và ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 01/02/2015 do bà H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B thống nhất giao cho bà H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang sinh sống tại thành phố Tuy Hòa và thống nhất chọn Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý giải quyết nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền. Bị đơn có yêu cầu xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T theo giấy chứng nhận kết hôn số: 104/2013 quyền số 01/2013 ngày đăng ký 10/12/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp về cách sống, bà H không còn sống chung với ông B từ năm 2023, nay yêu cầu ly hôn với ông B. Ông B thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không còn sống chung với bà H nên thống nhất ly hôn với bà H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, cho bà H được ly hôn ông B.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 01/02/2015 do bà H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung phù hợp với nguyện vọng của con được ở với mẹ, ông B cũng thống nhất với yêu cầu của bà H nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và nguyện vọng của con giao cho bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thùy Tr.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay ông B làm nghề thợ hồ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông B cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Thùy Tr mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Đình B.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và nguyện vọng của con. Giao cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 01/02/2015.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Đình B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 01/02/2015 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 09/2024 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp được quy định tại điều 118 luật HNGĐ 2014.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom con chung không được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002536 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa. Ông B phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST phần cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hưng